

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn, kiểm tra việc xác nhận giải quyết chế độ và thủ tục lưu trữ hồ sơ.

Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chủ trì phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn, kiểm tra việc xác nhận, giải quyết chế độ và thủ tục lưu trữ hồ sơ đối với người hoạt động kháng chiến thuộc phạm vi Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đang quản lý.

**Điều 7.** Bãi bỏ Điều 59 Nghị định số 28/CP ngày 29 tháng 4 năm 1995 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng ngày 29 tháng 8 năm 1994.

**Điều 8.** Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 67/1999/NĐ-CP ngày 07/8/1999 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khiếu nại, tố cáo.**

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Căn cứ Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 02 tháng 12 năm 1998;*

*Theo đề nghị của Tổng Thanh tra Nhà nước,*

**NGHỊ ĐỊNH:**

*Chương I*

**KHIẾU NẠI, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI  
QUYẾT ĐỊNH HÀNH CHÍNH,  
HÀNH VI HÀNH CHÍNH**

**Mục 1. KHIẾU NẠI VÀ VIỆC XỬ LÝ  
ĐƠN KHIẾU NẠI**

**Điều 1.** Khiếu nại được cơ quan nhà nước thụ lý để giải quyết khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Người khiếu nại phải là người có quyền, lợi ích hợp pháp chịu tác động trực tiếp bởi quyết định hành chính, hành vi hành chính mà mình khiếu nại;

2. Người khiếu nại phải là người có năng lực hành vi đầy đủ theo quy định của Bộ Luật Dân sự hoặc là người chưa có năng lực hành vi đầy đủ nhưng theo quy định của pháp luật có quyền khiếu nại; trong trường hợp thông qua người đại diện để thực hiện việc khiếu nại thì người đại diện phải theo quy định tại Điều 2 của Nghị định này;

3. Người khiếu nại phải làm đơn khiếu nại và gửi đến đúng cơ quan có thẩm quyền giải quyết trong thời hiệu, thời hạn theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo;

4. Việc khiếu nại chưa có quyết định giải quyết cuối cùng;

5. Việc khiếu nại chưa được tòa án thụ lý để giải quyết.

**Điều 2.**

1. Công dân là người chưa thành niên, người bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể



nhận thức, làm chủ được hành vi của mình thì thông qua người đại diện theo pháp luật để thực hiện quyền khiếu nại; khi thực hiện việc khiếu nại, người đại diện phải có giấy tờ để chứng minh với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc đại diện hợp pháp của mình.

Người ốm đau, già yếu, có nhược điểm về thể chất hoặc vì lý do khách quan khác mà không thể tự mình khiếu nại thì có thể ủy quyền cho người đại diện là cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột đã thành niên để thực hiện việc khiếu nại; việc ủy quyền khiếu nại phải lập thành văn bản có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người ủy quyền hoặc nơi người được ủy quyền cư trú.

2. Cơ quan thực hiện quyền khiếu nại thông qua người đại diện là Thủ trưởng cơ quan đó.

3. Tổ chức thực hiện quyền khiếu nại thông qua người đại diện là người đứng đầu tổ chức đó được quy định trong quyết định thành lập tổ chức hoặc trong Điều lệ của tổ chức.

**Điều 3.** Trong trường hợp người khiếu nại không thực hiện được việc khiếu nại theo đúng thời hiệu vì ốm đau, thiên tai, dịch họa, đi công tác, học tập ở nơi xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác thì thời gian có trở ngại đó không tính vào thời hiệu khiếu nại; người khiếu nại phải chứng minh với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về trở ngại khách quan đó.

**Điều 4.** Trong quá trình thực hiện việc khiếu nại, người khiếu nại vẫn phải chấp hành quyết định hành chính mà mình khiếu nại, trừ trường hợp quyết định đó bị tạm đình chỉ thì hành theo quy định tại Điều 35, Điều 42 của Luật Khiếu nại, tố cáo.

**Điều 5.** Cơ quan nhà nước khi nhận được đơn khiếu nại thì xử lý như sau:

1. Đối với đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của mình và đủ các điều kiện quy định tại Điều 1 của Nghị định này thì cơ quan nhận được phải thụ lý để giải quyết; trong trường hợp đơn khiếu nại có chữ ký của nhiều người thì có trách

nhiệm hướng dẫn người khiếu nại viết thành đơn riêng để thực hiện việc khiếu nại;

2. Đối với đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của mình nhưng không đủ các điều kiện thụ lý để giải quyết theo quy định tại Điều 1 của Nghị định này thì có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho người khiếu nại biết rõ lý do;

3. Đối với đơn vừa có nội dung khiếu nại, vừa có nội dung tố cáo thì cơ quan nhận được có trách nhiệm xử lý nội dung khiếu nại theo quy định tại điểm 1, điểm 2 và điểm 5 Điều này, còn nội dung tố cáo thì xử lý theo quy định tại Điều 43 của Nghị định này;

4. Đối với đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp dưới nhưng quá thời hạn quy định mà chưa được giải quyết thì cơ quan cấp trên trực tiếp nhận được có trách nhiệm thụ lý để giải quyết;

5. Đối với đơn khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình, đơn khiếu nại về vụ việc đã có quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng thì cơ quan nhận được đơn không có trách nhiệm thụ lý mà thông báo và chỉ dẫn cho người khiếu nại bằng văn bản. Việc thông báo chỉ thực hiện một lần đối với một vụ việc khiếu nại; trong trường hợp người khiếu nại gửi kèm các giấy tờ, tài liệu là bản gốc liên quan đến vụ việc khiếu nại thì cơ quan nhận được đơn trả lại các giấy tờ, tài liệu đó cho người khiếu nại.

**Điều 6.** Cơ quan nhà nước nhận được đơn khiếu nại do Đại biểu Quốc hội, Đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận hoặc các cơ quan báo chí chuyển đến, nếu thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì thụ lý giải quyết và thông báo cho cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã chuyển đơn đến biết; nếu đơn khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì gửi trả lại và thông báo cho cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã chuyển đơn đến biết.

**Điều 7.** Các cơ quan thanh tra nhà nước khi nhận được đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan hành chính nhà nước cùng cấp có



trách nhiệm xem xét và báo cáo để Thủ trưởng cơ quan hành chính nhà nước cùng cấp quyết định việc thụ lý giải quyết khiếu nại đó.

## **MỤC 2. TRÁCH NHIỆM CỦA THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG VIỆC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI**

### **Điều 8.**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Khiếu nại, tố cáo.

Nếu thấy vụ việc khiếu nại có nội dung rõ ràng, có đủ căn cứ để giải quyết thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định giải quyết ngay.

Nếu thấy vụ việc khiếu nại có nội dung chưa rõ ràng, chưa đủ căn cứ để giải quyết thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải tiến hành thẩm tra, xác minh, gặp gỡ người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, lợi ích liên quan để làm rõ nội dung khiếu nại, yêu cầu của người khiếu nại trước khi ra quyết định giải quyết khiếu nại. Căn cứ vào kết quả thẩm tra, xác minh và quy định của pháp luật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định giải quyết khiếu nại trong thời hạn quy định tại Luật Khiếu nại, tố cáo.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm gửi quyết định giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, lợi ích liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện; khi cần thiết thì công bố công khai quyết định giải quyết khiếu nại.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thi hành, tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật trong phạm vi trách nhiệm của mình.

**Điều 9.** Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Thủ trưởng cơ quan thuộc Sở, Thủ

trưởng cơ quan thuộc Bộ, thuộc cơ quan ngang Bộ, thuộc cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền. Việc giải quyết theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Khiếu nại, tố cáo và được tiến hành như quy định tại Điều 8 của Nghị định này.

### **Điều 10.**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Khiếu nại, tố cáo.

a) Đối với khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cho Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Chánh thanh tra cấp huyện xem xét, kết luận và kiến nghị việc giải quyết;

b) Đối với khiếu nại mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, trưởng phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện đã giải quyết nhưng còn có khiếu nại thì giao cho Chánh thanh tra cấp huyện tiến hành xác minh, kết luận và kiến nghị việc giải quyết;

c) Căn cứ vào báo cáo xác minh, kết luận và kiến nghị việc giải quyết khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định giải quyết hoặc ủy quyền cho Chánh thanh tra cùng cấp ra quyết định giải quyết theo quy định tại khoản 1, Điều 20 Nghị định này và theo thời hạn quy định tại Luật Khiếu nại, tố cáo.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Chánh thanh tra cấp huyện được ủy quyền ra quyết định giải quyết có trách nhiệm gửi quyết định giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, lợi ích liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; khi cần thiết thì công bố công khai quyết định giải quyết khiếu nại.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thi hành, tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật trong phạm



vi trách nhiệm của mình; kiểm tra, đôn đốc cơ quan, đơn vị cấp dưới trong việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật.

#### **Điều 11.**

1. Giám đốc Sở và cấp tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (gọi chung là Giám đốc Sở) có trách nhiệm giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Khiếu nại, tố cáo.

a) Đối với khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, của cán bộ công chức do mình quản lý trực tiếp thì Giám đốc Sở giao cho Thủ trưởng phòng, ban chuyên môn thuộc Sở hoặc Chánh thanh tra Sở xem xét, kết luận và kiến nghị việc giải quyết;

b) Đối với khiếu nại mà Thủ trưởng cơ quan thuộc Sở đã giải quyết nhưng còn có khiếu nại thì giao cho Chánh thanh tra cấp Sở tiến hành xác minh, kết luận và kiến nghị việc giải quyết;

c) Căn cứ vào báo cáo xác minh, kết luận và kiến nghị việc giải quyết khiếu nại, Giám đốc Sở ra quyết định giải quyết trong thời hạn quy định tại Luật Khiếu nại, tố cáo.

2. Giám đốc Sở có trách nhiệm gửi quyết định giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, lợi ích liên quan và người có thẩm quyền giải quyết tiếp theo; khi cần thiết thì công bố công khai quyết định giải quyết khiếu nại.

3. Giám đốc Sở có trách nhiệm thi hành, tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật trong phạm vi trách nhiệm của mình; kiểm tra, đôn đốc cơ quan, đơn vị cấp dưới trong việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật.

#### **Điều 12.**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Khiếu nại, tố cáo:

a) Đối với khiếu nại quyết định hành chính, hành

vi hành chính của mình thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cho Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Chánh thanh tra cấp tỉnh xem xét, kết luận và kiến nghị việc giải quyết;

b) Đối với khiếu nại mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đã giải quyết nhưng còn có khiếu nại, khiếu nại mà Giám đốc Sở đã giải quyết nhưng còn có khiếu nại mà nội dung thuộc phạm vi quản lý của mình thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cho Chánh thanh tra cấp tỉnh tiến hành xác minh, kết luận và kiến nghị việc giải quyết;

c) Căn cứ vào báo cáo xác minh, kết luận và kiến nghị việc giải quyết khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định giải quyết hoặc ủy quyền cho Chánh thanh tra cấp tỉnh ra quyết định giải quyết theo quy định tại khoản 2, Điều 20 Nghị định này và theo thời hạn quy định tại Luật Khiếu nại, tố cáo. Quyết định giải quyết đối với khiếu nại nêu tại điểm a, khoản 1 Điều này là quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu; quyết định giải quyết đối với khiếu nại nêu tại điểm b, khoản 1 Điều này là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Chánh thanh tra cấp tỉnh được ủy quyền ra quyết định giải quyết có trách nhiệm gửi quyết định giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, lợi ích liên quan; nếu là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng thì gửi Tổng Thanh tra Nhà nước; nếu là quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu thì gửi Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ có thẩm quyền giải quyết tiếp theo đối với vụ việc khiếu nại đó; khi cần thiết thì công bố công khai quyết định giải quyết khiếu nại.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thi hành, tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật trong phạm vi trách nhiệm của mình; kiểm tra, đôn đốc cơ quan, đơn vị cấp dưới trong việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật.



**Điều 13.**

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Khiếu nại, tố cáo.

a) Đối với khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, của cán bộ, công chức do mình quản lý trực tiếp thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ giao cho Thủ trưởng Cục, Vụ, đơn vị chức năng hoặc Chánh thanh tra cùng cấp xem xét, kết luận và kiến nghị việc giải quyết;

b) Đối với khiếu nại mà Thủ trưởng cơ quan thuộc Bộ, thuộc cơ quan ngang Bộ, thuộc cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc Sở đã giải quyết nhưng còn có khiếu nại mà thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì giao cho Chánh thanh tra cùng cấp tiến hành xác minh, kết luận và kiến nghị việc giải quyết;

c) Căn cứ vào báo cáo xác minh, kết luận và kiến nghị việc giải quyết khiếu nại, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ ra quyết định giải quyết trong thời hạn quy định tại Luật Khiếu nại, tố cáo. Quyết định giải quyết khiếu nại nêu tại điểm a, khoản 1 Điều này là quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu; quyết định giải quyết khiếu nại nêu tại điểm b, khoản 1 Điều này của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm gửi quyết định giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, lợi ích liên quan và Tổng Thanh tra Nhà nước; khi cần thiết thì công bố công khai quyết định giải quyết khiếu nại.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm thi hành, tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật trong phạm

vi trách nhiệm của mình; kiểm tra, đôn đốc cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của mình trong việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật.

**Điều 14.**

1. Tổng Thanh tra Nhà nước có trách nhiệm giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Khiếu nại, tố cáo.

2. Tổng Thanh tra Nhà nước được ủy quyền để giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ tướng Chính phủ; trong trường hợp có ý kiến khác nhau giữa Tổng Thanh tra Nhà nước với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ về việc giải quyết thì Tổng Thanh tra Nhà nước báo cáo để Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo việc giải quyết hoặc kiến nghị Thủ tướng Chính phủ ra quyết định giải quyết.

**Điều 15.**

1. Người đã ra quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng khi phát hiện quyết định đó có vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức thì phải tự xem xét lại để việc giải quyết khiếu nại đúng quy định của pháp luật.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ trong quá trình thực hiện chức năng quản lý nhà nước của mình, nếu phát hiện quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức thì yêu cầu người đã ra quyết định xem xét lại quyết định giải quyết đó; trong thời hạn 15 ngày, nếu yêu cầu không được thực hiện thì áp dụng các biện pháp theo thẩm quyền để yêu cầu đó được thực hiện hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Tổng Thanh tra Nhà nước, trong quá trình thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về



khieu nại, tố cáo, nếu phát hiện quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng có vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức thì yêu cầu người đã ra quyết định xem xét lại quyết định giải quyết đó; trong thời hạn 15 ngày, nếu yêu cầu không được thực hiện thì áp dụng các biện pháp theo thẩm quyền để yêu cầu đó được thực hiện hoặc kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

4. Thời hiệu yêu cầu xem xét lại quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng quy định tại khoản 2, khoản 3 của Điều này là 12 tháng, kể từ ngày quyết định đó có hiệu lực thi hành.

**Điều 16.** Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo việc giải quyết hoặc ra quyết định giải quyết khiếu nại khi có kiến nghị của Tổng Thanh tra Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Nghị định này.

Khi phát hiện quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng có vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức thì Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo người đã ra quyết định giải quyết đó hoặc giao cho Tổng Thanh tra Nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ xem xét, báo cáo để Thủ tướng Chính phủ quyết định.

#### **Điều 17.**

1. Thủ trưởng cơ quan nhà nước có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị cấp dưới giải quyết kịp thời các khiếu nại thuộc thẩm quyền.

2. Thủ trưởng cơ quan nhà nước khi nhận được khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp dưới trực tiếp nhưng quá thời hạn quy định mà chưa được giải quyết thì có trách nhiệm thụ lý để giải quyết, đồng thời phải áp dụng biện pháp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với người thiếu trách nhiệm hoặc cố tình trì hoãn việc giải quyết khiếu nại đó.

**Điều 18.** Người giải quyết khiếu nại phải ra quyết định giải quyết khiếu nại với các nội dung như quy định tại Điều 38, Điều 45 của Luật Khiếu nại, tố cáo; không dùng thông báo, biên bản cuộc họp hoặc các hình thức văn bản khác để thay thế quyết định giải quyết khiếu nại.

#### **Điều 19.**

1. Trong quá trình giải quyết khiếu nại, nếu thấy vụ việc phức tạp, việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có thể sẽ có khó khăn thì người giải quyết khiếu nại triệu tập người khiếu nại, người bị khiếu nại và trong trường hợp cần thiết thì mời người có quyền, lợi ích hợp pháp liên quan và đại diện các cơ quan hữu quan để công bố công khai quyết định giải quyết khiếu nại.

2. Khi công bố công khai quyết định giải quyết khiếu nại, người giải quyết khiếu nại thông báo nội dung khiếu nại, kết quả thẩm tra, xác minh, căn cứ pháp luật để giải quyết khiếu nại, việc giải quyết các vấn đề cụ thể trong nội dung khiếu nại; nêu rõ trách nhiệm của người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, lợi ích hợp pháp liên quan trong việc chấp hành quyết định giải quyết khiếu nại.

### **Mục 3. VIỆC ỦY QUYỀN GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI**

#### **Điều 20.**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định giải quyết hoặc ủy quyền cho Chánh thanh tra cấp huyện ra quyết định giải quyết đối với khiếu nại mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đã giải quyết nhưng còn có khiếu nại trừ những vụ việc khiếu nại phức tạp tồn đọng, kéo dài.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định giải quyết hoặc ủy quyền cho Chánh thanh tra cấp tỉnh ra quyết định giải quyết đối với khiếu nại mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đã giải quyết nhưng còn có khiếu nại trừ những vụ việc khiếu nại phức tạp tồn đọng, kéo dài.



3. Việc ủy quyền ra quyết định giải quyết khiếu nại như quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này phải bằng văn bản. Văn bản ủy quyền được lưu giữ trong hồ sơ giải quyết khiếu nại.

**Điều 21.** Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Tổng Thanh tra Nhà nước giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ tướng Chính phủ. Trong trường hợp có ý kiến khác nhau giữa Tổng Thanh tra Nhà nước và Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ về việc giải quyết khiếu nại thì Tổng Thanh tra Nhà nước báo cáo để Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo việc giải quyết hoặc ra quyết định giải quyết.

#### **Điều 22.**

1. Người ủy quyền có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc giải quyết khiếu nại của người được ủy quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định giải quyết khiếu nại của người được ủy quyền.

2. Người được ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của người giải quyết khiếu nại các lần tiếp theo quy định tại Điều 42, Điều 44 của Luật Khiếu nại, tố cáo và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước người ủy quyền về việc giải quyết khiếu nại của mình.

3. Quyết định giải quyết khiếu nại của người được ủy quyền đóng dấu cơ quan của người được ủy quyền và có giá trị pháp lý như quyết định giải quyết khiếu nại của người ủy quyền; quyết định giải quyết khiếu nại của Tổng Thanh tra Nhà nước, Chánh thanh tra cấp tỉnh khi được ủy quyền là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng.

#### **Mục 4. VIỆC THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI**

**Điều 23.** Quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật phải được cá nhân, cơ quan, tổ chức nghiêm chỉnh chấp hành; người đã ra quyết định

giải quyết khiếu nại có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, áp dụng các biện pháp cần thiết theo thẩm quyền hoặc yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để quyết định giải quyết khiếu nại được thi hành nghiêm chỉnh. Trong trường hợp cần thiết, người đã ra quyết định giải quyết khiếu nại được yêu cầu các cơ quan chức năng phối hợp để tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật.

**Điều 24.** Căn cứ vào nội dung quyết định giải quyết khiếu nại của người có thẩm quyền, Thủ trưởng cơ quan nhà nước có quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại có trách nhiệm:

1. Ban hành quyết định hành chính để thay thế hoặc sửa đổi quyết định hành chính bị khiếu nại và tổ chức thực hiện quyết định đó, chấm dứt hành vi hành chính bị khiếu nại trong trường hợp nội dung khiếu nại là đúng; bồi thường thiệt hại, khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị thiệt hại theo quy định của pháp luật;

2. Giải thích, yêu cầu người khiếu nại chấp hành nghiêm chỉnh quyết định giải quyết khiếu nại, nếu nội dung khiếu nại không đúng; trong trường hợp cần thiết, yêu cầu các cơ quan chức năng thực hiện các biện pháp theo thẩm quyền để bảo đảm việc thi hành nghiêm chỉnh quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật.

**Điều 25.** Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp trên có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp dưới đã có quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 24 của Nghị định này; trong trường hợp người có trách nhiệm không chấp hành nghiêm chỉnh quyết định giải quyết khiếu nại thì áp dụng các biện pháp theo thẩm quyền buộc họ phải chấp hành; xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với người không thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật.

**Điều 26.** Thủ trưởng các cơ quan nhà nước hữu quan phải thực hiện đúng nội dung quyết định giải quyết khiếu nại liên quan đến trách nhiệm của



mình; phối hợp với Thủ trưởng cơ quan nhà nước nói tại Điều 24, Điều 25 của Nghị định này để tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại.

## *Chương II*

### **KHIẾU NẠI, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI QUYẾT ĐỊNH KỶ LUẬT CÔNG CHỨC TRONG CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC**

#### **Mục 1. THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI QUYẾT ĐỊNH KỶ LUẬT**

**Điều 27.** Khiếu nại quyết định kỷ luật của Thủ trưởng cơ quan nào ký ban hành thì Thủ trưởng cơ quan đó có trách nhiệm giải quyết; trong trường hợp còn khiếu nại tiếp thì Thủ trưởng cơ quan cấp trên trực tiếp có trách nhiệm giải quyết.

#### **Điều 28.**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc Sở có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật do mình ký ban hành.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền:

a) Giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật do mình ký ban hành;

b) Giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc Sở đã giải quyết lần đầu nhưng còn có khiếu nại. Quyết định giải quyết khiếu nại này là quyết định cuối cùng.

**Điều 29.** Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ có thẩm quyền:

1. Giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật do mình ký ban hành;

2. Giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật mà Thủ trưởng cơ quan thuộc Bộ, thuộc cơ quan ngang Bộ, thuộc cơ quan thuộc Chính phủ đã giải quyết lần đầu nhưng còn có khiếu nại. Quyết định giải quyết khiếu nại này là quyết định cuối cùng.

**Điều 30.** Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ có thẩm quyền:

1. Giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật do mình ký ban hành;

2. Giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ đã giải quyết lần đầu nhưng còn có khiếu nại, trừ khiếu nại đã có quyết định giải quyết của Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ là Bộ trưởng. Quyết định giải quyết khiếu nại này là quyết định cuối cùng.

**Điều 31.** Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật mà Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ đã giải quyết lần đầu nhưng còn có khiếu nại; trong trường hợp có ý kiến khác nhau giữa Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ thì Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ kiến nghị để Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo việc giải quyết hoặc ra quyết định giải quyết; các quyết định giải quyết khiếu nại nêu tại Điều này là quyết định cuối cùng.

**Điều 32.** Thủ trưởng cơ quan nhà nước có trách nhiệm giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật thuộc thẩm quyền; trong trường hợp cần thiết thì giao cho cơ quan, bộ phận quản lý nhân sự hoặc cơ quan thanh tra cùng cấp tiến hành xác minh, kết luận và kiến nghị việc giải quyết.

#### **Mục 2. THỦ TỤC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI QUYẾT ĐỊNH KỶ LUẬT**

**Điều 33.** Người đã ra quyết định kỷ luật công



chức khi nhận được đơn khiếu nại đối với quyết định kỷ luật đó thì phải xem xét và ra quyết định giải quyết bằng văn bản theo thủ tục quy định tại Luật Khiếu nại, tố cáo.

**Điều 34.** Trong trường hợp công chức bị kỷ luật không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu và khiếu nại tiếp thì người có thẩm quyền giải quyết tiếp theo phải xem xét và ra quyết định giải quyết khiếu nại bằng văn bản theo quy định tại Điều 53 của Luật Khiếu nại, tố cáo.

**Điều 35.** Công chức giữ chức vụ từ vụ trưởng hoặc tương đương trở xuống bị kỷ luật buộc thôi việc, sau khi khiếu nại mà người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu vẫn giữ nguyên hình thức kỷ luật đó thì trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại có quyền khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết tiếp theo hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại tòa án theo quy định của pháp luật.

**Điều 36.** Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ căn cứ vào các quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo, Nghị định này và các quy định của pháp luật về cán bộ, công chức hướng dẫn chi tiết việc giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước.

### Chương III

## TỐ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT TỐ CÁO

### Mục 1. THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT TỐ CÁO

**Điều 37.** Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật mà người bị tố cáo thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan nào thì cơ quan đó có trách nhiệm giải quyết.

Tố cáo hành vi vi phạm quy định về nhiệm vụ, công vụ của người thuộc cơ quan nào thì người đứng đầu cơ quan đó có trách nhiệm giải quyết.

Tố cáo hành vi vi phạm quy định về nhiệm vụ, công vụ của người đứng đầu, cấp phó của người

đứng đầu cơ quan nào thì người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp của cơ quan đó có trách nhiệm giải quyết.

**Điều 38.** Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật mà nội dung liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của cơ quan nào thì cơ quan đó có trách nhiệm giải quyết.

Tố cáo hành vi phạm tội do các cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

### Điều 39.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của người do mình quản lý trực tiếp.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, Trưởng ban, Phó Trưởng ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và những người khác do mình bổ nhiệm và quản lý trực tiếp.

3. Giám đốc Sở có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc Sở và những người khác do mình bổ nhiệm và quản lý trực tiếp.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và những người khác do mình bổ nhiệm và quản lý trực tiếp.

5. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, thuộc cơ quan ngang Bộ, thuộc cơ quan thuộc Chính phủ và những người khác do mình bổ nhiệm và quản lý trực tiếp.

6. Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền giải



quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của Bộ trưởng, Thủ trưởng, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và những người khác do mình bổ nhiệm và quản lý trực tiếp.

#### **Điều 40.**

##### **1. Chánh thanh tra cấp huyện có thẩm quyền:**

a) Xác minh, kết luận nội dung tố cáo, kiến nghị biện pháp xử lý tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện khi được giao;

b) Xem xét, kết luận nội dung tố cáo mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đã giải quyết nhưng có vi phạm pháp luật; trong trường hợp kết luận việc giải quyết có vi phạm pháp luật thì kiến nghị người đã giải quyết xem xét, giải quyết lại.

##### **2. Chánh thanh tra Sở có thẩm quyền:**

a) Xác minh, kết luận nội dung tố cáo, kiến nghị biện pháp xử lý tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Giám đốc Sở khi được giao;

b) Xem xét, kết luận nội dung tố cáo mà Thủ trưởng cơ quan thuộc Sở đã giải quyết nhưng có vi phạm pháp luật; trong trường hợp kết luận việc giải quyết có vi phạm pháp luật thì kiến nghị người đã giải quyết xem xét, giải quyết lại.

##### **3. Chánh thanh tra cấp tỉnh có thẩm quyền:**

a) Xác minh, kết luận nội dung tố cáo, kiến nghị biện pháp xử lý tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi được giao;

b) Xem xét, kết luận nội dung tố cáo mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc Sở đã giải quyết nhưng có vi phạm pháp luật; trong trường hợp kết luận việc giải quyết có vi phạm pháp luật thì kiến nghị người đã giải quyết xem xét, giải quyết lại.

4. Chánh thanh tra Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có thẩm quyền:

a) Xem xét, kết luận nội dung tố cáo, kiến nghị biện pháp xử lý tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ khi được giao;

b) Xem xét, kết luận nội dung tố cáo mà Thủ trưởng cơ quan thuộc Bộ, thuộc cơ quan ngang Bộ, thuộc cơ quan thuộc Chính phủ đã giải quyết nhưng có vi phạm pháp luật; trong trường hợp kết luận việc giải quyết có vi phạm pháp luật thì kiến nghị người đã giải quyết xem xét, giải quyết lại.

#### **Điều 41. Tổng Thanh tra Nhà nước có thẩm quyền:**

1. Xác minh, kết luận nội dung tố cáo, kiến nghị biện pháp xử lý tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ tướng Chính phủ khi được giao;

2. Xem xét, kết luận về nội dung tố cáo mà Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã giải quyết nhưng có vi phạm pháp luật; trong trường hợp kết luận việc giải quyết tố cáo có vi phạm pháp luật thì kiến nghị người đã giải quyết xem xét, giải quyết lại.

**Điều 42.** Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị của cơ quan thanh tra theo quy định tại điểm b của các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 40 và khoản 2 Điều 41 của Nghị định này, Thủ trưởng cơ quan nhà nước đã giải quyết tố cáo có trách nhiệm thực hiện và thông báo kết quả cho cơ quan thanh tra đã có kiến nghị đó.

## **Mục 2. THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TỐ CÁO**

#### **Điều 43.**

1. Cơ quan nhà nước nhận được đơn tố cáo có trách nhiệm phân loại và xử lý như sau:

a) Nếu tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì phải thụ lý để giải quyết theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo và Nghị định này;

b) Nếu tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết



của mình thì chậm nhất trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được phải chuyển đơn tố cáo hoặc bản ghi lời tố cáo và các tài liệu, chứng cứ liên quan (nếu có) cho người có thẩm quyền giải quyết;

c) Nếu đơn tố cáo không ghi rõ họ, tên, địa chỉ người tố cáo nhưng nội dung rõ ràng, bằng chứng cụ thể, có cơ sở để thẩm tra, xác minh thì Thủ trưởng cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định việc xem xét, xử lý đơn tố cáo đó;

d) Nếu tố cáo hành vi phạm tội thì chuyển cho cơ quan điều tra, Viện kiểm sát xử lý theo quy định tại Điều 71 của Luật Khiếu nại, tố cáo.

2. Trong trường hợp hành vi bị tố cáo gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của Nhà nước, của tập thể, tính mạng, tài sản của công dân thì cơ quan nhận được đơn phải báo ngay cho cơ quan chức năng để có biện pháp ngăn chặn.

3. Trong trường hợp Thủ trưởng cơ quan nhà nước các cấp, các ngành nhận được thông tin người tố cáo bị đe dọa, trù dập, trả thù thì phải có trách nhiệm chỉ đạo hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan làm rõ, có biện pháp bảo vệ người tố cáo, ngăn chặn và đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật người có hành vi đe dọa, trù dập, trả thù người tố cáo.

**Điều 44.** Trong trường hợp người tố cáo trình bày trực tiếp thì người tiếp nhận phải ghi rõ nội dung tố cáo, họ tên, địa chỉ người tố cáo; khi cần thiết thì ghi âm lời tố cáo. Bản ghi nội dung tố cáo phải cho người tố cáo đọc lại, nghe lại và ký xác nhận. Việc xử lý tố cáo trực tiếp được thực hiện như xử lý đơn tố cáo quy định tại Điều 43 của Nghị định này.

**Điều 45.** Khi tiếp nhận thông tin, tài liệu do người tố cáo, người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thì người giải quyết tố cáo phải làm giấy biên nhận, có chữ ký của người tiếp nhận và người cung cấp.

**Điều 46.** Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo hoặc Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ xác

minh phải ra quyết định về việc tiến hành xác minh nội dung tố cáo; trong quyết định phải ghi rõ người được giao nhiệm vụ xác minh, nội dung cần xác minh, thời gian tiến hành xác minh, quyền hạn và trách nhiệm của người được giao nhiệm vụ xác minh.

**Điều 47.** Trong quá trình giải quyết tố cáo, người được giao nhiệm vụ xác minh phải tạo điều kiện để người bị tố cáo giải trình, đưa ra các bằng chứng để chứng minh tính đúng, sai của nội dung tố cáo.

**Điều 48.** Việc thu thập tài liệu, chứng cứ trong quá trình xác minh, giải quyết tố cáo phải được ghi chép thành văn bản và lưu vào hồ sơ giải quyết tố cáo.

Sau khi kết thúc việc xác minh, người được giao nhiệm vụ xác minh phải có văn bản kết luận về nội dung tố cáo và phải có những chứng cứ để chứng minh cho kết luận của mình.

**Điều 49.** Căn cứ vào kết quả xác minh, kết luận về nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo tiến hành xử lý như sau:

1. Trong trường hợp người bị tố cáo không vi phạm pháp luật, không vi phạm các quy định về nhiệm vụ, công vụ thì phải có kết luận rõ và thông báo bằng văn bản cho người bị tố cáo, cơ quan quản lý người bị tố cáo biết, đồng thời xử lý hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý người cố tình tố cáo sai sự thật;

2. Trong trường hợp người bị tố cáo có vi phạm pháp luật, vi phạm các quy định về nhiệm vụ, công vụ phải xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính thì xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý, đồng thời áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật để quyết định, kiến nghị xử lý được chấp hành nghiêm chỉnh;

3. Trong trường hợp hành vi bị tố cáo có dấu hiệu tội phạm thì chuyển hồ sơ vụ việc cho cơ quan điều tra hoặc Viện Kiểm sát để giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

**Điều 50.** Người giải quyết tố cáo phải gửi văn bản kết luận vụ việc tố cáo, quyết định xử lý tố cáo



cho cơ quan thanh tra, cơ quan nhà nước cấp trên trực tiếp; thông báo cho người tố cáo kết quả giải quyết nếu họ có yêu cầu, trừ những nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước.

#### *Chương IV*

### VIỆC TỔ CHỨC TIẾP CÔNG DÂN

**Điều 51.** Việc tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo, đưa đơn khiếu nại, tố cáo được tiến hành tại nơi tiếp công dân.

Thủ trưởng cơ quan nhà nước phải tổ chức và quản lý nơi tiếp công dân của cơ quan mình; ban hành nội quy tiếp công dân; bố trí nơi tiếp công dân tại địa điểm thuận tiện; bảo đảm các điều kiện vật chất cần thiết để công dân đến trình bày khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến khiếu nại, tố cáo.

Tại nơi tiếp công dân phải niêm yết lịch tiếp công dân và nội quy tiếp công dân. Lịch tiếp công dân phải được ghi cụ thể thời gian, chức vụ người tiếp công dân. Nội quy tiếp công dân phải ghi rõ trách nhiệm của người tiếp công dân, quyền và nghĩa vụ của người đến khiếu nại, tố cáo.

#### **Điều 52.**

1. Thủ trưởng cơ quan nhà nước có trách nhiệm định kỳ trực tiếp tiếp công dân theo quy định tại Điều 76 của Luật Khiếu nại, tố cáo; lịch tiếp công dân phải được thông báo công khai cho công dân biết.

2. Ngoài việc tiếp công dân theo định kỳ, Thủ trưởng cơ quan nhà nước phải tiếp công dân khi có yêu cầu khẩn thiết.

3. Đối với những khiếu nại thuộc thẩm quyền mà vụ việc rõ ràng, cụ thể, có cơ sở giải quyết thì khi tiếp công dân, Thủ trưởng cơ quan nhà nước phải trả lời ngay cho công dân biết; nếu vụ việc phức tạp cần nghiên cứu, xem xét thì phải nói rõ thời hạn giải quyết, người cần liên hệ tiếp để biết kết quả giải quyết.

4. Việc tiếp công dân của Thủ trưởng cơ quan nhà nước phải được ghi chép vào sổ tiếp công dân và được lưu giữ tại nơi tiếp công dân.

**Điều 53.** Người tiếp công dân phải có sổ để ghi chép, theo dõi việc tiếp công dân; yêu cầu công dân đến khiếu nại, tố cáo xuất trình giấy tờ tùy thân, trình bày trung thực sự việc, cung cấp tài liệu liên quan đến nội dung khiếu nại, tố cáo; trong trường hợp có nhiều người đến khiếu nại, tố cáo về cùng một nội dung thì yêu cầu họ cử đại diện trực tiếp trình bày nội dung sự việc.

**Điều 54.** Việc xử lý khiếu nại, tố cáo tại nơi tiếp công dân được tiến hành như sau:

1. Đối với đơn khiếu nại thì xử lý theo quy định tại Điều 5 của Nghị định này; trong trường hợp công dân đến khiếu nại trực tiếp mà vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan mình thì người tiếp công dân hướng dẫn họ viết thành đơn hoặc ghi lại nội dung khiếu nại và yêu cầu công dân ký tên hoặc điểm chỉ; nếu vụ việc khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan mình thì hướng dẫn công dân khiếu nại đến đúng cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

2. Đối với tố cáo thì người tiếp công dân phải tiếp nhận, phân loại và xử lý theo quy định tại các Điều 43, 44 và Điều 45 của Nghị định này.

**Điều 55.** Thanh tra Nhà nước các cấp, các cơ quan: Công an, Quốc phòng, Hải quan, Thương mại, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổ chức - Cán bộ, Giao thông vận tải, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Địa chính ở cấp Trung ương và cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức tiếp công dân thường xuyên.

Các cơ quan khác của Nhà nước căn cứ vào quy định tại Chương V của Luật Khiếu nại, tố cáo, Nghị định này và tình hình khiếu nại, tố cáo liên quan đến ngành, lĩnh vực của mình quản lý để bố trí thời gian tiếp công dân.

#### **Điều 56.**

1. Việc tổ chức tiếp công dân của Trung ương



Đảng và Nhà nước tại Trụ sở tiếp công dân ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh thực hiện theo Nghị định số 89/CP ngày 7 tháng 8 năm 1997 của Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức tiếp công dân.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí địa điểm chung để Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại diện tổ chức chính trị tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo; cử một cán bộ Phó văn phòng hoặc cấp tương đương phụ trách nơi tiếp công dân để tổ chức thực hiện chế độ tiếp dân thường xuyên.

**Điều 57.** Đối với những người đến khiếu nại, tố cáo có hành vi gây rối, làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự công cộng, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước, của cá nhân có trách nhiệm hoặc có hành vi khác vi phạm pháp luật khiếu nại, tố cáo thì Thủ trưởng cơ quan nhà nước, người phụ trách trụ sở tiếp công dân yêu cầu cơ quan công an phụ trách địa bàn có biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

**Điều 58.** Thủ trưởng cơ quan nhà nước có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Thủ trưởng cơ quan công an trong việc bảo đảm trật tự, an toàn nơi tiếp công dân.

Ủy ban nhân dân cấp xã, công an tại các địa phương có trách nhiệm bảo vệ an toàn trụ sở tiếp công dân của các cơ quan trên địa bàn mình quản lý; trong trường hợp cần thiết thì áp dụng các biện pháp theo thẩm quyền để xử lý đối với những người lợi dụng việc khiếu nại, tố cáo có hành vi vi phạm pháp luật tại nơi tiếp công dân.

Bộ trưởng Bộ Công an chỉ đạo lực lượng công an có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan nhà nước trong việc bảo vệ trật tự, an toàn cho các trụ sở tiếp công dân, xử lý đối với các đối tượng vi phạm pháp luật ở nơi tiếp công dân.

### Chương V

## QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

**Điều 59.** Thanh tra Nhà nước chịu trách nhiệm

trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi thẩm quyền của Chính phủ. Nội dung quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo bao gồm:

1. Soạn thảo để Chính phủ trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành các văn bản pháp luật về khiếu nại, tố cáo; trình Chính phủ ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo;

2. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khiếu nại, tố cáo;

3. Ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan thanh tra nhà nước các cấp, các ngành về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo;

4. Thanh tra, kiểm tra các cấp, các ngành trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;

5. Thực hiện việc giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền;

6. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo;

7. Tổng hợp tình hình khiếu nại, tố cáo và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; báo cáo Chính phủ theo định kỳ hoặc đột xuất;

8. Tổng kết kinh nghiệm về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

**Điều 60.** Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi quản lý của mình; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, tổ chức do mình quản lý trong việc thực hiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo; thực hiện chế độ báo cáo về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định tại Điều 61 của Nghị định này.

**Điều 61.** Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp



trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân địa phương trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo; tạo điều kiện để các cơ quan của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận, tổ chức thanh tra nhân dân giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo tại địa phương; định kỳ báo cáo công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo với Hội đồng nhân dân cùng cấp, cơ quan hành chính nhà nước và cơ quan thanh tra nhà nước cấp trên, đồng thời thông báo đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp.

#### **Điều 62.**

1. Định kỳ 3 tháng một lần, chậm nhất là ngày 15 của tháng cuối quý, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Thủ tướng Chính phủ (qua Tổng Thanh tra Nhà nước) về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành, địa phương mình.

2. Tổng Thanh tra Nhà nước tổng hợp tình hình giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi quản lý của Chính phủ và báo cáo định kỳ tại các phiên họp thường kỳ của Chính phủ vào tháng đầu mỗi quý hoặc báo cáo đột xuất khi Thủ tướng Chính phủ có yêu cầu; định kỳ thông báo đến Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

3. Trong trường hợp cần thiết, Tổng Thanh tra Nhà nước đề nghị Thủ tướng Chính phủ triệu tập lãnh đạo các cơ quan ở trung ương, địa phương họp đề xuất các biện pháp để Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo xử lý đối với các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, nhiều địa phương.

**Điều 63.** Thanh tra Nhà nước các cấp, các ngành có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn cơ quan, tổ chức, đơn vị cùng cấp trong việc tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố

cáo, giải quyết khiếu nại, tố cáo, thi hành quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo;

2. Kiểm tra, thanh tra trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp dưới của Thủ trưởng cùng cấp trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; trong trường hợp cần thiết, đề nghị Thủ trưởng cùng cấp triệu tập Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp dưới họp để đề xuất biện pháp tổ chức chỉ đạo, xử lý đối với các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp;

3. Khi phát hiện có vi phạm pháp luật về khiếu nại, tố cáo thì xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý;

4. Kiến nghị các biện pháp nhằm chấn chỉnh công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc phạm vi quản lý của Thủ trưởng cùng cấp;

5. Tổng hợp tình hình khiếu nại, tố cáo và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc trách nhiệm của Thủ trưởng cùng cấp; thực hiện chế độ báo cáo hàng tháng theo quy định của Tổng Thanh tra Nhà nước.

### *Chương VI*

#### **XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO**

**Điều 64.** Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, người tố cáo có công trong việc ngăn ngừa thiệt hại cho Nhà nước, tổ chức, cá nhân thì được khen thưởng theo quy định của Nhà nước.

**Điều 65.** Thủ trưởng cơ quan nhà nước trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Ra quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo của Thủ trưởng cơ quan cấp dưới khi phát hiện việc giải quyết có vi phạm pháp luật;

2. Ra quyết định tạm đình chỉ công tác đối với công chức thuộc quyền quản lý cố tình cản trở



hoặc không chấp hành quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo hoặc không chấp hành yêu cầu của các cơ quan thanh tra nhà nước, của cơ quan nhà nước cấp trên trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; áp dụng các biện pháp xử lý khác đối với người có một trong các hành vi quy định tại các Điều 96, 97 và Điều 100 của Luật Khiếu nại, tố cáo.

**Điều 66.** Cán bộ, công chức có một trong các hành vi quy định tại các Điều 96, 97, 98, 99 và Điều 100 của Luật Khiếu nại, tố cáo, nếu gây hậu quả nghiêm trọng thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý bằng một trong các hình thức kỷ luật sau:

1. Khiển trách;
2. Cảnh cáo;
3. Hạ bậc lương;
4. Hạ ngạch;
5. Cách chức;
6. Buộc thôi việc.

**Điều 67.** Cán bộ, công chức đã gây ra thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật về khiếu nại, tố cáo thì phải bồi thường; việc bồi thường thực hiện theo quy định tại Nghị định số 47/CP ngày 03 tháng 5 năm 1997 của Chính phủ về việc giải quyết bồi thường thiệt hại do công chức, viên chức nhà nước, người có thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng gây ra, Nghị định số 97/1998/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 1998 của Chính phủ về xử lý kỷ luật và trách nhiệm vật chất đối với công chức và các quy định khác của pháp luật.

**Điều 68.**

1. Thủ trưởng cơ quan nhà nước nếu thiếu trách nhiệm, nhiều lần để xảy ra vi phạm pháp luật về khiếu nại, tố cáo trong cơ quan do mình quản lý thì bị xử lý kỷ luật; nếu gây hậu quả nghiêm trọng thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Thủ trưởng cơ quan nhà nước nếu thiếu trách nhiệm, không áp dụng các biện pháp cần thiết để thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo thì bị xử lý kỷ luật;

nếu gây hậu quả nghiêm trọng thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

**Điều 69.** Người nào có một trong các hành vi quy định tại Điều 100 của Luật Khiếu nại, tố cáo, nếu chưa đến mức độ phạm tội thì bị cảnh cáo hoặc bị phạt tiền hay bị xử lý bằng hình thức khác theo quy định của Nghị định số 49/CP ngày 15 tháng 8 năm 1996 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự và các quy định khác của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Người tiếp công dân, người giải quyết khiếu nại, tố cáo có quyền lập biên bản, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính đối với người có hành vi vi phạm pháp luật khiếu nại, tố cáo. Chủ tịch Ủy ban nhân dân và cơ quan công an địa phương căn cứ vào biên bản và yêu cầu của người tiếp công dân, người giải quyết khiếu nại, tố cáo phải xử lý theo thẩm quyền và thông báo kết quả xử lý cho người có yêu cầu trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.

## Chương VII

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 70.** Việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại của cá nhân, cơ quan, tổ chức nước ngoài, việc tố cáo và giải quyết tố cáo của cá nhân nước ngoài đang sinh sống, học tập, làm việc tại Việt Nam được áp dụng theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo và Nghị định này.

**Điều 71.** Khiếu nại, tố cáo và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong các doanh nghiệp nhà nước được áp dụng theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo và Nghị định này, trừ các khiếu nại liên quan đến việc thực hiện hợp đồng lao động.

Khiếu nại quyết định hành chính trong hoạt động quản lý, điều hành của cấp trên đối với cấp dưới theo thứ bậc hành chính không giải quyết theo quy định của Nghị định này.



**Điều 72.** Những khiếu nại, tố cáo đã được thụ lý, đang được xem xét giải quyết trước ngày 01 tháng 1 năm 1999 mà chưa có quyết định giải quyết cuối cùng thì được tiếp tục giải quyết theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo và Nghị định này.

**Điều 73.** Tổng Thanh tra Nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an căn cứ vào các quy định của Nghị định này sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra Nhà nước hướng dẫn chi tiết việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quân đội và công an.

**Điều 74.** Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Nghị định số 38/HĐBT ngày 28 tháng 1 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thi hành Pháp lệnh Khiếu nại, tố cáo của công dân năm 1991 hết hiệu lực thi hành.

Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

TM. Chính phủ  
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 68/1999/  
NĐ-CP ngày 09/8/1999 về việc chia  
huyện Tiên Sơn, Gia Lương để tái  
lập các huyện Tiên Du, Từ Sơn,  
Gia Bình và Lương Tài, tỉnh Bắc  
Ninh.**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

*Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh  
Bắc Ninh và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức -  
Cán bộ Chính phủ,*

**NGHỊ ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay chia huyện Tiên Sơn và huyện Gia Lương để tái lập các huyện Tiên Du, Từ Sơn, Gia Bình và Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh như sau:

**1. Chia huyện Tiên Sơn thành huyện Tiên Du và huyện Từ Sơn.**

Huyện Tiên Du có 10.630,03 ha diện tích tự nhiên và 125.157 nhân khẩu; gồm 16 đơn vị hành chính trực thuộc là các xã: Cảnh Hưng, Đại Đồng, Hạp Lĩnh, Hoàn Sơn, Hiên Vân, Khắc Niệm, Liên Bảo, Lạc Vệ, Nội Duệ, Minh Đạo, Phú Lâm, Phật Tích, Tân Chi, Tri Phương, Việt Đoàn và thị trấn Lim.

Địa giới hành chính huyện Tiên Du: Đông giáp huyện Quế Võ; Tây giáp huyện Từ Sơn; Nam giáp huyện Thuận Thành và thành phố Hà Nội; Bắc giáp huyện Yên Phong và thị xã Bắc Ninh.

Huyện Từ Sơn có 6.027,7 ha diện tích tự nhiên và 114.825 nhân khẩu; gồm 11 đơn vị hành chính trực thuộc là các xã: Châu Khê, Đình Bảng, Đồng Quang, Đồng Nguyên, Hương Mạc, Phù Chẩn, Phù Khê, Tân Hồng, Tam Sơn, Tương Giang và thị trấn Từ Sơn.

Địa giới hành chính huyện Từ Sơn: Đông giáp huyện Tiên Du; Tây giáp thành phố Hà Nội; Nam giáp thành phố Hà Nội; Bắc giáp các huyện Yên Phong, Tiên Du.

**2. Chia huyện Gia Lương thành huyện Gia Bình và huyện Lương Tài.**

Huyện Gia Bình có 10.752,81 ha diện tích tự nhiên và 103.092 nhân khẩu; gồm 13 đơn vị hành chính trực thuộc là các xã: Vạn Ninh, Cao Đức, Bình Dương, Thái Bảo, Nhân Thắng, Xuân Lai, Đại Lai, Song Giang, Giang Sơn, Đông Cứu, Lãng Ngâm, Đại Bái và Quỳnh Phú.